

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 29 /2016/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 09 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 179/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 388/TTr-STC ngày 23 tháng 8 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, nội dung cụ thể như sau:



1. Đối tượng nộp lệ phí

Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật.

2. Mức thu

Thực hiện theo Biểu mức thu lệ phí hộ tịch ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Miễn lệ phí hộ tịch trong những trường hợp sau:

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

b) Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch

a) Tổ chức, cơ quan hoặc đơn vị được ủy quyền thu lệ phí hộ tịch nộp 100% tổng số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo quy định của pháp luật về chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

b) Tổ chức, cơ quan hoặc đơn vị được ủy quyền thu lệ phí phải niêm yết và công khai mức thu áp dụng thống nhất tại quầy thu ngân, nơi trực tiếp thu lệ phí.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Tư pháp, Cục Thuế tỉnh kiểm tra thực hiện việc thu, nộp, quản lý lệ phí hộ tịch theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Tài chính, Tư pháp, Cục Thuế tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2016 và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang: Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2013 về việc ban hành chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và bãi bỏ Quyết định số 359/QĐ-UBND



ngày 18 tháng 02 năm 2014 về việc đình chỉ việc thực hiện thu lệ phí đối với việc ghi chú kết hôn có yếu tố nước ngoài theo Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Kiên Giang;
- TT HĐND tỉnh;
- TV UBND tỉnh;
- UBMT tổ quốc VN tỉnh;
- Như Điều 3 của QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, STC (03), nknguyen. 133

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Mai Văn Huỳnh



BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ HỘ TỊCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 29 /2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Số TT	CÔNG VIỆC THỰC HIỆN	Đơn vị tính	Mức thu
A)	Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (bao gồm cả chi phí cho giấy tờ, biểu mẫu hộ tịch)		
1	Khai sinh	Đồng	8.000
2	Khai tử	Đồng	8.000
3	Kết hôn	Đồng	30.000
4	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Đồng/1 bản sao	3.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch	Đồng	15.000
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Đồng	15.000
7	Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Đồng	8.000
8	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	Đồng	8.000
9	Nhận cha, mẹ, con	Đồng	15.000
B)	Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (bao gồm cả chi phí cho giấy tờ, biểu mẫu hộ tịch)		
1	Khai sinh	Đồng	75.000
2	Khai tử	Đồng	75.000
3	Kết hôn	Đồng	1.500.000
4	Giám hộ	Đồng	75.000
5	Nhận cha, mẹ, con	Đồng	1.500.000
6	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Đồng/1 bản sao	8.000
7	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên; bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	Đồng	28.000
8	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Đồng	75.000
9	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	Đồng	75.000

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN 
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Mai Văn Huỳnh